

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 98/2018/QĐST-HNGĐ

C1, ngày 13 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C1, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh **Đoàn Văn T** – sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

Chị **Lý Thị T** - sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đoàn Văn T và chị Lý Thị T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2006 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 90; quyển số 01/2006 ngày 21/12/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng anh T, chị T sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung, nhưng đến năm 2009 vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, không hạnh phúc. Từ năm 2011 đến nay vợ chồng anh, chị đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay vợ chồng anh, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên cần áp

dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng anh T và chị T.

[2] *Về con chung*: Anh Đoàn Văn T và chị Lý Thị T trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Vy B - sinh ngày 28/5/2007; vợ chồng anh T và chị T thỏa thuận như sau: Chị Lý Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Ngọc Vy B. Anh Đoàn Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung, nên áp dụng vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận sự thỏa thuận của vợ chồng anh T và chị T.

[3] *Về tài sản chung*: Anh Đoàn Văn T và chị Lý Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] *Về lệ phí*: Anh Đoàn Văn T và chị Lý Thị T nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật;

[5] *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đoàn Văn T và chị Lý Thị T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Lý Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Ngọc Vy B - sinh ngày 28/5/2007; anh Đoàn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung*: Anh Đoàn Văn T và chị Lý Thị T đều yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. *Về lệ phí Tòa án*: Anh Đoàn Văn T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn; chị Lý Thị T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000141 ngày 04/12/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

Anh Đoàn Văn Trí và chị Lý Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Quy định:

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP C1;
- Chi cục THADS TP C1;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

TRƯỞNG VĂN VƯƠNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **NGUYỄN LÊ NGỌC LONG** – sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Hải, phường Cam Phú, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Bà **TRẦN THỊ THU THẢO** - sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Hải, phường Cam Phú, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Lê Ngọc Long và bà Trần Thị Thu Thảo thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung:* Ông Nguyễn Lê Ngọc Long được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Anh Thư - sinh ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trần Anh Khôi - sinh ngày 05/3/2015 và không yêu cầu bà Thảo cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Lê Ngọc Long và bà Trần Thị Thu Thảo tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; các khoản nợ chung: Không

4. Về lệ phí: Ông Nguyễn Lê Ngọc Long nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn; bà Trần Thị Thu Thảo nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[1].....

[2].....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

- Về con chung:

- Về tài sản chung:

- Về các vấn đề khác:.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

Mẫu số 32-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-DS⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽³⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **tham gia phiên họp:**
Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày tháng..... năm..... tại⁽⁴⁾..... mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số/..... /TLST-DS⁽⁵⁾ ngày..... tháng..... năm..... theo Quyết định mở phiên họp số/...../QĐST-DS ngày tháng năm.....

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quy